TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2019/DS-PT
Ngày: 07 - 5 - 2019
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Mới
Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Nguyễn Văn Bé Tư - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2019/TLPT-DS ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc "tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 69/2018/DSST ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 88/2019/QĐPT-DS ngày 18 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Nhật N1; Cư trú tại: Ấp B, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

Người hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Văn K; Cư trú tại: Phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 01/9/2017).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Một thành viên Hải Y; Trụ sở: Ấp B, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Anh P1 (Chết).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Anh P1:

1. Bà Nguyễn Thị Minh N2.
2. Chị Lê Ngọc T1.
3. Anh Lê Anh H1.

4. Chị Lê Thúy A.

Cùng cư trú tại: Ấp B, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Anh P1 là bà Nguyễn Thị Minh N2, chị Lê Ngọc T, anh Lê Anh H, chị Lê Thúy A: Anh Nguyễn Thành T2; cư trú tại: Ấp B, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 15/4/2019).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Nguyên D; Cư trú tại: Xóm C, khóm 2, phường 2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà Nguyễn Thị Xuân M; Cư trú tại: Ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Xuân M: Bà Nguyễn Thị Mỹ P2; Cư trú tại: Ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 19/6/2018).

3. Chị Nguyễn Ngọc B; Cư trú tại: Ấp B, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

4. Anh Nguyễn Thành T2.

5. Chị Lê Ngọc T1.

Cùng cư trú tại: Ấp B, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Hải Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/01/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Nhật N1n trình bày:

Phần đất thuộc thửa 795, diện tích 3.840m^2, loại đất lúa và thửa 801, diện tích 5.160m^2, loại đất trồng cây lâu năm, cùng tờ bản đồ số 5 tọa lạc ấp B, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Hòa H2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vào ngày 25/6/2008, tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Vĩnh Long, ông H2 và bà Đỗ Thị T3 (cha mẹ ruột của ông) lập di chúc để lại thửa đất số 795 và thửa số 801 cho ông, Nguyễn Nguyên D và Nguyễn Thị Xuân M được quyền sử dụng.

Ngày 16/7/2009, bà T3 mất và ngày 05/02/2012, ông H2 mất nên di chúc có hiệu lực nhưng ông và các chị em chưa làm thủ tục sang tên mà hai thửa đất 795 và thưa 801 vẫn do ông H2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn hai phần đất trên từ năm 2012 cho đến nay thì do Nguyễn Nguyên D là người trực tiếp canh tác.

Đến năm 2014, Nhà nước mở tuyến đường liên xã Phú Đức – Long Phước đi qua thửa đất số 801, khi đó đơn vị thực hiện dự án và thi công là công ty Hải

Y. Trong quá trình thi công, công ty Hải Y không liên hệ đầy đủ với các thành viên đồng quyền sử dụng đất mà đã đào móc đất trên phần đất tại thửa 801 để đắp đường liên xã. Mặc dù ông có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long nhưng thực tế ông không có ở địa phương nên ông không biết sự việc này, đến khi phát hiện sự việc thì ông có khiếu nại đến Hội đồng hòa giải xã P, huyện H do việc công ty Hải Y lấy đất làm đường đã gây thiệt hại đến quyền lợi của ông. Ngày 07/7/2017, Hội đồng hòa giải mời các bên đến hòa giải và ông yêu cầu công ty Hải Y san lắp để trả lại hiện trạng ban đầu nhưng hai bên không thống nhất.

Nay ông yêu cầu công ty Hải Y phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông số tiền san lắp đối với phần đất đã bị đào có khối lượng 2.080,86m^2 theo kết quả xem xét, thẩm định và trừ lại khối lượng đất đắp bờ là 276,5625m^2, còn lại là 1.804,2975m^2 x 110.000 đồng/m^3 = 198.472.725 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh N1 rút một phần yêu cầu khởi kiện về giá đất yêu cầu tính 100.000 đồng/1m^3. Tương đương 1.804,2975m^3 x 100.000 đồng/m^3 = 180.492.750 đồng.

Tại tờ tường trình ngày 15/6/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn công ty Hải Y do ông Lê Anh P1 đại diện trình bày:

Anh Nguyễn Nguyên D (em ruột của ông N1) là người làm thuê cho công ty Hải Y với nhiệm vụ nhận vật tư, bơm nước, đào ao được trả thù lao theo ngày công. Khi biết công ty Hải Y có nhu cầu sử dụng khối lượng đất để đắp bờ taluy (lề đường) thì anh D mới báo cho ông biết vợ chồng anh có phần đất đã đào ao xung quanh và chính giữa đất là mặt ruộng nên có nhu cầu đào ao lớn hơn để nuôi cá và đồng ý để ông lấy đất nhưng ông không biết diện tích lấy đất là bao nhiêu.

Khi lấy đất, anh D là người chỉ chỗ lấy đất, có bà Nguyễn Thị Xuân M và anh Nguyễn Nhật N1 biết. Khi đưa máy vào lấy đất thì lấy luôn đất ở mặt ruộng và phần đất mương. Việc lấy đất khoảng hơn một tháng vì nước ra vào lấy không được nên phải đặt máy bơm và anh D trực tiếp canh máy bơm. Khi lấy đất xong, ông có kêu con là chị Lê Ngọc T1 và con rễ là anh Nguyễn Thành T2 gặp anh D và đưa tiền thanh toán việc lấy đất là 10.000.000 đồng, việc đưa tiền có lập biên nhận.

Đối với khối lượng đất lấy để đắp đường ngang 21m, dài 63,6m, chiều sâu 1,558m, khối lượng 2.080,86m^3 trừ lại khối lượng đất đắp bờ do nguyên đơn sử dụng là 276,5625m^3, còn lại là 1.804,2975m^3 thuộc thửa 801, tờ bản đồ số 5 tọa lạc ấp B, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long thì ông thống nhất nhưng đề nghị lấy giá đất theo dự toán là 27.645 đồng/m^3 để làm cơ sở giải quyết vụ án. Đồng thời khi thi công phía bị đơn có lắp 04 hệ thống thoát nước cho phần ao lấy đất với

chi phí là 5.000.000 đồng để thuận lợi cho việc nguyên đơn nuôi cá và số tiền hỗ trợ lấy đất là 10.000.000 đồng thì phía bị đơn không yêu cầu trả lại.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không đồng ý và yêu cầu Tòa án xem xét lại thời hiệu khởi kiện.

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 05/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Nguyên D trình bày:

Anh là người trực tiếp canh tác quản lý thửa đất 795, diện tích 3.840m^2, loại đất lúa và thửa 801, diện tích 5.160m^2, loại đất trồng cây lâu năm, cùng tờ bản đồ số 5 tọa lạc ấp B, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

Anh có làm công nhân cho công ty Hải Y và khi công ty Hải Y có nhu cầu lấy đất thì anh không đồng ý và báo cho công ty biết rằng phần đất này thuộc quyền sử dụng chung của anh Nguyễn Nhật N1, anh và cô ruột là Nguyễn Thị Xuân M nhưng phía công ty vẫn tiến hành lấy đất.

Sau khi công ty Hải Y lấy đất xong thì anh không có báo cho anh N1 và bà M biết, phía công ty Hải Y có hỗ trợ anh 10.000.000 đồng do anh và vợ là Nguyễn Ngọc B nhận, việc giao nhận tiền có lập biên nhận ngày 11/01/2015 nhưng khi ký tên vào biên nhận thì anh không có đọc lại nội dung và nghĩa đây là tiền hỗ trợ 02 mùa lúa vì nước không thoát ra được nên không làm lúa được.

Đến khi anh N1 biết sự việc thì khởi kiện. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của anh N1 thì anh thống nhất.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh D rút một phần yêu cầu khởi kiện về giá đất yêu cầu tính 100.000 đồng/1m^3. Cụ thể 1.804,2975m^3 x 100.000 đồng/m^3 = 180.492.750 đồng.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 05/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Xuân M trình bày:

Bà là người đồng sử dụng thửa đất 795, diện tích 3.840m^2, loại đất lúa và thửa 801, diện tích 5.160m^2, loại đất trồng cây lâu năm, cùng tờ bản đồ số 5 tọa lạc ấp B, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

Khi công ty Hải Y lấy đất làm đường thì bà không biết. Sau khi công trình đường liên xã Phú Đức – Long Phước hoàn thành và thẩm định xong thì bà mới biết.

Đến khi hòa giải tại xã P, bà P2 đại diện cho bà trình bày sự việc lấy đất nhưng không đúng vì chưa được sự đồng ý của bà vì đây là đất hương hỏa không được cầm cố, sang nhượng mà phải giữ nguyên hiện trạng sử dụng. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của anh N1 thì bà thống nhất.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà M rút một phần yêu cầu khởi kiện về giá đất yêu cầu tính 100.000 đồng/1m^3. Cụ thể 1.804,2975m^3 x 100.000 đồng/m^3 = 180.492.750 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc B trình bày:

Chị là vợ của anh Nguyễn Nguyên D và chị có biết sự việc công ty Hải Y lấy đất làm đường liên xã, chị có ký tên vào biên nhận cùng anh D nhận số tiền 10.000.000 đồng từ công ty Hải Y hỗ trợ. Ngoài ra, chị không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành T2 trình bày:

Anh là con rễ của ông Lê Anh P1. Sau khi công ty lấy đất của anh D thì anh cùng chị Lê Ngọc T1 đến nhà anh D giao tiền cho anh D. Khi đến nhà anh D thì anh là người viết biên nhận ngày 15/01/2015 với nội dung anh D và chị B thống nhất cho anh và vợ anh đào ao lấy đất đắp đường với số tiền 10.000.000 đồng. Ngoài ra, anh không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 69/2018/DSST ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ Điều 584, 585, 586, 588, 589 của Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 157, 165, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 và khoản 6 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Buộc công ty TNHH Một thành viên Hải Y có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Nhật N1, anh Nguyễn Nguyên D và bà Nguyễn Thị Xuân M số tiền 85.214.875 đồng.

Buộc anh Nguyễn Nguyên D và chị Nguyễn Ngọc B có trách nhiệm hoàn trả lại công ty TNHH Một thành viên Hải Y số tiền 10.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Nhật N1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Nguyên D, Nguyễn Thị Xuân M đã rút tính theo đơn giá đất bồi thường là 110.000 đồng/m^3.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí định giá tài sản và xem xét, thẩm định tại chỗ, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 02 tháng 01 năm 2019, bị đơn công ty TNHH Một thành viên Hải Y có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Thành T2 là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Anh P là bà Nguyễn Thị Minh N2, chị Lê Ngọc T1, anh Lê Anh H1, chị Lê Thúy A vẫn giữ nguyên

yêu cầu kháng cáo, yêu cầu: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N1, yêu cầu độc lập của anh D và bà M. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn đề nghị xử bác kháng cáo cuả bị đơn và y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Anh P1 là bà Nguyễn Thị Minh N2, chị Lê Ngọc T1, anh Lê Anh H1, chị Lê Thúy A. Sửa bản án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Anh P1 không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 02 tháng 01 năm 2019, bị đơn công ty TNHH Một thành viên Hải Y (gọi tắt công ty Hải Y) – có người đại diện theo pháp luật, ông Lê Anh P1 kháng cáo. Ngày 16/01/2019 ông P1 chết không để lại di chúc. Ông P1 có vợ là Nguyễn Thị Minh N2 và 3 người con gồm: Lê Ngọc T1, Lê Anh H1 và Lê Thúy A. Căn cứ khoản 3 Điều 77 Luật Doanh nghiệp thì người thừa kế theo pháp luật của ông P1 là chủ sở hữu của công ty. Ngày 15/4/2019, những người thừa kế của ông P1 đồng ý kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của công ty TNHH Một thành viên Hải Y.

[2] Vào tháng 11/2014, công ty Hải Y có thi công công trình mở tuyến đường liên xã Phú Đức – Long Hồ và có đào lấy đất thuộc thửa đất số 801, tờ bản đồ số 5, tọa lạc ấp B, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long để đắp bờ taluy (lề đường). Phần đất trên hiện do Nguyễn Hòa H2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2012 ông H2 chết nhưng có lập di chúc để lại thửa đất số 801 cho anh Nguyễn Nhật N1, anh Nguyễn Nguyên D và bà Nguyễn Thị Xuân M được quyền sử dụng.

[3] Xét thỏa thuận giữa anh D và công ty Hải Y về việc lấy đất ruộng và cải tạo ao thuộc thửa 801 không lập thành văn bản. Tại phiên tòa anh D và anh T2 đều thừa nhận hiện trạng thửa đất 801 trước khi công ty Hải Y lấy đất cải tạo ao là đất ruộng có 4 mương ao, bờ bao xung quanh, ở giữa thửa đất là ruộng dùng trồng lúa và nuôi cá. Theo kết quả khảo sát ngày 02/8/2018 và biên bản định giá ngày 02/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ thể hiện thửa đất 801 hiện nay hiện trạng có 3 bờ ao bao quanh thửa đất gồm: bờ 1 là mặt chiều

ngang thửa đất giáp đường liên xã bờ cao 0,65m, mặt bờ rộng 7,1m, bờ dài (21m + 2,9m); bờ 2 chiều dài thửa đất bờ cao 0,7m, mặt bờ rộng 2.7m, bờ dài 63,6m; bờ còn lại chiều ngang bên trong thửa đất bờ cao 0,7m, mặt bờ rộng 2.8m, bờ dài (2,5m + 21m); phần ao dài 63,6m, rộng 21m, chiều sâu ao 1,558m, các bờ ao sau khi cải tạo năm 2015 anh D trồng 15 cây dừa, dưới ao thì nuôi cá. Anh N1, anh D và bà M cho rằng việc công ty Hải Y đào ao lấy đất, đắp bờ và đặt ống bọng thoát nước là không có sự đồng ý của các chủ sử dụng đất và đã gây thiệt hại cho phía nguyên đơn. Tuy nhiên, anh D thừa nhận sau khi công ty Hải Y lấy đất và cải tạo ao xong thì ngày 11/01/2015 anh T2 đại diện công ty Hải Y đưa cho anh D và vợ là chị Nguyễn Ngọc B số tiền 10.000.000 đồng có lập biên nhận xác nhận của ông Phạm Văn T3 trưởng Ban giám sát đầu tư cộng đồng xã P và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P, nội dung biên nhận thể hiện: "*anh D và chị B thống nhất cho anh T2, chị T1 đào ao lấy đất đắp lề đường. Anh chị chỉ hỗ trợ 10.000.000 đồng và phần lắp ống bọng đã xong, cam kết không khiếu nại về sau kể cả anh 2 đứng trong giấy chứng nhận*". Tại phiên tòa anh D cho rằng khi vợ chồng anh ký tên vào biên nhận nhận số tiền 10.000.000 đồng thì không có đọc lại nội dung và nghĩ đây là tiền hỗ trợ 02 mùa lúa vì nước không thoát ra được và anh cho rằng khi công ty Hải Y đến lấy đất đào ao anh không đồng ý nhưng không ngăn cản và không báo cho anh N1, bà M và chính quyền địa phương. Theo ông Phạm Văn T3 là trưởng Ban giám sát đầu tư cộng đồng xã P xác nhận thời điểm từ cuối tháng 11/2014 đến tháng 01/2015 công ty Hải Y lấy đất của hộ anh D, chị B để đắp taluy, việc lấy đất này thì chủ sử dụng đất biết rõ lợi ích lấy đất là nhằm có ao lớn để nuôi cá và công ty Hải Y có hỗ trợ tiền, lắp ống bọng thoát nước nhằm thuận lợi cho việc nuôi cá, khi công ty Hải Y lấy đất thì bên chủ đất không có ai khiếu nại đến chính quyền địa phương (BL 41). Và theo ông Nguyễn Văn H3 là người ở gần nơi công ty Hải Y lấy đất thi công đường và ông Nguyễn Văn H4 là công nhân công ty Hải Y trực tiếp đào đất đắp lộ đều xác định khi công ty Hải Y lấy đất ruộng của anh D để làm đường thì nhiều lần anh N1 và bà M đứng xem xét cuốc lấy đất, xem anh D bơm nước khỏi ruộng nhưng không có ý kiến hay khiếu nại. Mặt khác, nguyên đơn, anh D, bà M đều thừa nhận phần đất trên anh N1, bà M thỏa thuận giao cho anh D quản lý sử dụng xét anh D là người trực tiếp canh tác thửa đất 801 nhưng khi thỏa thuận cho công ty Hải Y đào đất, cải tạo ao trên đất thì không báo cho anh N1, bà M biết là lỗi của anh D. Do đó, có căn cứ xác định khi công ty Hải Y thỏa thuận với anh D về việc lấy đất, đào ao, cải tạo ao và đặt ống bọng thoát nước là có sự đồng ý của anh N1, anh D, bà M và việc công ty Hải Y không thỏa thuận với anh N1, bà M về việc đào ao, lấy đất không phải lỗi của công ty Hải Y.

[4] Xét phía nguyên đơn, anh D, bà M yêu cầu Công ty Hải Y bồi thường thiệt hại chi phí san lắp do có hành vi lấy đất, cải tạo ao và đặt ống bọng thoát

nước trên phần đất thửa 801 gây ra nhưng không chứng minh được hành vi trên của công ty Hải Y là gây thiệt hại cho bên phía anh N1, anh D và bà M. Vì vậy, nguyên đơn anh N1, anh D và bà M yêu cầu công ty Hải Y bồi thường chi phí lắp lại phần ao đã đào tương đương khối lượng đất đã lấy đi 1.804,2975 m^3, giá 100.000 đồng/m^3 thành tiền là 180.492.750 đồng và được án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu là không có căn cứ. Do đó, xét kháng cáo của ông P1 có những người thừa kế của ông P1 kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của anh D, bà M là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về số tiền 10.000.000 đồng công ty Hải Y giao cho anh D và vợ là chị Nguyễn Ngọc B nhận ngày 11/01/2015. Tại phiên tòa, anh T2 xác định số tiền trên là do công ty Hải Y thỏa thuận hỗ trợ cho gia đình anh D khi lấy đất thửa 801 nên không yêu cầu anh D, chị B trả lại. Xét yêu cầu của anh T2 là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận.

[6] Về chi phí khảo sát đo đạc: Đã chi số tiền 1.100.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của anh N1 và yêu cầu độc lập của anh D, bà M không được chấp nhận nên buộc anh N1, bà M, anh D phải chịu số tiền trên, tương đương mỗi người phải chịu 366.600 đồng. Số tiền trên do anh N1 nộp tạm ứng. Vì vậy, buộc anh D và bà M mỗi người hoàn trả cho anh N1 số tiền 366.600 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của anh N1 và yêu cầu độc lập của anh D, bà M không được chấp nhận nên phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện, yêu cầu độc lập không được chấp nhận. Cụ thể:180.492.750 đồng x 5% = 9.024.600 đồng. Tương đương mỗi người chịu 3.008.200 đồng. Bà M sinh năm 1953 là người cao tuổi, có yêu cầu miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Như vậy, sau khi khấu trừ phần án phí dân sự sơ thẩm của bà M được miễn thì anh N1 và anh D mỗi người phải chịu (9.024.600 đồng –3.008.200 đồng = 6.016.400 đồng/2 = 3.008.200 đồng) án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phong không phải chịu.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Nhật N1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Nguyên D, Nguyễn Thị Xuân M không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn công ty TNHH Một thành viên Hải Y có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm Nguyễn Thị Minh N2, Lê Ngọc T1, Lê Anh H1 và Lê Thúy A; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 69/2018/DSST ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 214, Điều 222, Điều 223, Điều 604, Điều 605, Điều 608 của Bộ luật dân sự năm 2005;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Nhật N1 và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Nguyên D, Nguyễn Thị Xuân M, về việc yêu cầu công ty TNHH Một thành viên Hải Y có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng gồm Nguyễn Thị Minh N2, Lê Ngọc T1, Lê Anh H1 và Lê Thúy A bồi thường thiệt hại chi phí san lắp đối với phần đất thửa 801 đã bị đào cho các ông bà số tiền 180.492.750 đồng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của công ty TNHH Một thành viên Hải Y gồm: Nguyễn Thị Minh N2, Lê Ngọc T1, Lê Anh H1 và Lê Thúy A có anh Nguyễn Thành T2 là người đại diện hợp pháp không yêu cầu anh Nguyễn Nguyên D và chị Nguyễn Ngọc B trả lại số tiền 10.000.000 đồng.

3. Về chi phí khảo sát đo đạc: Đã chi số tiền 1.100.000 đồng. Buộc anh N1, bà M, anh D phải chịu số tiền 1.100.000 đồng. Số tiền trên nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên buộc anh Nguyễn Nguyên D và bà Nguyễn Thị Xuân M mỗi người hoàn trả cho anh Nguyễn Nhật N1 số tiền 366.600 đồng (ba trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Nhật N1, anh Nguyễn Nguyên D và bà Nguyễn Thị Xuân M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 9.024.600 đồng. Tương đương mỗi người chịu 3.008.200 đồng. Bà M sinh năm 1953 là người cao tuổi, có yêu cầu miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền anh N1 nộp tạm ứng án phí 7.796.000 đồng theo biên lai thu số 1552 ngày 15/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ được khấu trừ. Sau khi khấu trừ hoàn trả cho anh Nguyễn Nhật N1 số tiền

4.787.800 đồng (bốn triệu bảy trăm tám mươi bảy ngàn tám trăm đồng); Số tiền anh D nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 1669 ngày 10/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ được khấu trừ. Sau khi khấu trừ buộc anh D phải nộp tiếp số tiền 2.708.200 đồng (hai triệu bảy trăm lẻ tám ngàn hai trăm đồng);

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông P1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền mà công ty TNHH Một thành viên Hải Y (ông P1) đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 2038 ngày 02/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ sẽ được hoàn trả cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông P1.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ xét xử đối với phần rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Nhật N1 và yêu cầu đọc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Nguyên D và bà Nguyễn Thị Xuân M không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND H LH: 01;
- VKSND H LH: 01;
- Chi Cục THADS H LH: 01;
- Đương sự: 08;
- Lưu: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Sơn Nữ Phà Ca